

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ ngân sách năm 2020

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2019

Quán triệt tinh thần Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/01/2019 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 09/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2019 để các ngành, các cấp triển khai thực hiện.

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 10 tháng đầu năm và ước thực hiện những tháng cuối năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2019 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NGÂN SÁCH, QUẢN LÝ GIÁ, TÀI SẢN CÔNG VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị thông qua tổng thu là 4.569 tỷ đồng (trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 50 tỷ đồng, thu nội địa 4.519 tỷ đồng). Ước tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn tỉnh là 5.130 tỷ đồng, đạt 112,28% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 20 tỷ đồng, đạt 40% dự toán; thu nội địa 5.110 tỷ đồng, đạt 113,08% dự toán.

- Về nguồn thu: Có 14/17 nguồn thu đạt và vượt dự toán, tiêu biểu như: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý 1.859 tỷ đồng, đạt 131,19% dự toán; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 45 tỷ đồng, đạt 562,50% dự toán; thuế thu nhập cá nhân 380 tỷ đồng, đạt 111,8%; lệ phí trước bạ 167 tỷ đồng, đạt 121%; thu từ hoạt động xổ số 1.030 tỷ đồng, đạt 114,44% dự toán,...

- Về đơn vị thu: Có 9/9 đơn vị huyện, thành phố thu đạt và vượt dự toán; trong đó, một số đơn vị đạt cao như: Huyện Trần Văn Thời đạt 126,51%, huyện Năm Căn đạt 114,57%, thành phố Cà Mau đạt 107,18%, huyện U Minh đạt 104,82%, huyện Đầm Dơi đạt 103,61%. Riêng Cục Thuế dự kiến thu đạt 114,22% dự toán.

2. Chi ngân sách địa phương

Năm 2019, Trung ương giao dự toán chi ngân sách địa phương là 9.511,33 tỷ đồng; Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị thông qua tổng chi ngân sách địa phương là 9.696,25 tỷ đồng, tăng 1,94% so với dự toán Trung ương giao; trong đó: Chi trong cân đối ngân sách 7.919,61 tỷ đồng⁽¹⁾, chi các chương trình mục tiêu 1.776,64 tỷ đồng.

Ước tổng chi ngân sách địa phương 12.502,72 tỷ đồng, bằng 128,94% dự toán. Chi trong cân đối ngân sách địa phương 8.674,19 tỷ đồng, đạt 109,53% dự toán; trong đó: Chi đầu tư phát triển 1.952,26 tỷ đồng, đạt 108,87% dự toán; chi thường xuyên 6.717,84 tỷ đồng, đạt 112,58% dự toán; chi thực hiện các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia 2.468,99 tỷ đồng, đạt 138,97% dự toán. Cụ thể một số lĩnh vực chi chủ yếu như sau:

a) Chi đầu tư phát triển

Kế hoạch vốn năm 2019 là 2.148,67 tỷ đồng (trong đó: Kế hoạch vốn năm 2019 là 1.737,08 tỷ đồng; kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang là 411,59 tỷ đồng); Thực hiện đến 31/10/2019 là 1.206,17 tỷ đồng, đạt 56,14% kế hoạch vốn năm 2019. Ước thực hiện 1.952,26 tỷ đồng, đạt 90,86% kế hoạch. Trong đó: Chi từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung và nguồn thu tiền sử dụng đất 847,38 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 992,56 tỷ đồng, đạt 110,28% kế hoạch; trong năm không thực hiện vay nên không phát sinh chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP. Chi từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung và nguồn thu tiền sử dụng đất đạt cao là do kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019 tiếp tục thực hiện và nguồn vốn đầu tư công năm 2019 được giao chi tiết từng danh mục, dự án, công trình ngay từ đầu năm để các chủ đầu tư chủ động thực hiện; công tác quản lý, điều hành được chú trọng, tăng cường; các cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đúng các quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành các luật và văn bản pháp luật có liên quan đến đầu tư công; việc tổ chức thực hiện và tiến độ giải ngân các dự án, công trình được thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc.

b) Chi thường xuyên

Dự toán chi thường xuyên năm 2019 được bố trí 5.966,96 tỷ đồng, chiếm 75,34% tổng chi cân đối NSDP. Trung ương bổ sung trong dự toán đầu năm là 327,96 tỷ đồng để thực hiện một số chế độ, chính sách an sinh xã hội. Ước thực hiện năm 2019 là 6.717,84 tỷ đồng, đạt 112,58% dự toán. Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Dự toán giao 1.145,81 tỷ đồng, ước chi 1.326,86 tỷ đồng, đạt 115,80% dự toán. Chủ yếu chi thực hiện công tác duy tu, sửa chữa công trình giao thông; nạo vét, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi; kiến thiết thị chính (cây xanh đô thị), thực hiện chính sách phát triển đất trồng lúa và một số nhiệm vụ phát sinh do trung ương hỗ trợ có mục tiêu trong năm để thực hiện như: Hỗ trợ khẩn cấp về nhà ở cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai; thực hiện

⁽¹⁾ Bao gồm chi trả lãi vay 3,09 tỷ đồng.

nhiệm vụ đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai,... Chi thực hiện nguồn vốn sự nghiệp kinh tế vượt dự toán được giao là do chi thực hiện một số danh mục, công trình năm 2018 chuyển sang tiếp tục thực hiện, đồng thời Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường theo dõi tiến độ thực hiện và đôn đốc các chủ đầu tư tập trung thực hiện các dự án, công trình định kỳ hàng tháng. Tuy nhiên, ước chi thực hiện kế hoạch vốn năm 2019 không đạt dự toán do một số đơn vị thực hiện lựa chọn nhà thầu qua hình thức đấu thầu mất nhiều thời gian; một số chủ đầu tư lập thủ tục đầu tư và triển khai thi công dự án còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Dự toán giao 2.234,37 tỷ đồng, ước chi 2.259,43 tỷ đồng, đạt 101,12% dự toán. Chi đạt cao là do thực hiện tăng lương cơ sở từ 1,39 triệu đồng lên 1,49 triệu đồng và chi từ nguồn Trung ương hỗ trợ thực hiện các chương trình, chế độ, chính sách.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Dự toán giao 614,60 tỷ đồng, ước chi 636,53 tỷ đồng, đạt 103,57% dự toán. Chi đạt cao là do Trung ương hỗ trợ có mục tiêu thực hiện chính sách BHYT cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ mức đóng.

- Chi quản lý hành chính: Dự toán giao 1.222,36 tỷ đồng, ước chi 1.593,70 tỷ đồng, đạt 130,38% dự toán. Chi đạt cao so là do chi tăng lương cơ sở từ 1,39 triệu đồng lên 1,49 triệu đồng; sử dụng nguồn dự phòng ngân sách để bố trí kinh phí cho đơn vị sự nghiệp mới thành lập⁽²⁾ và nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị năm 2018 chuyển sang năm 2019 tiếp tục thực hiện.

- Chi đảm bảo xã hội: Dự toán giao 274,36 tỷ đồng, ước chi 324,57 tỷ đồng, đạt 118,30% dự toán. Chi đạt cao là do trong năm Trung ương hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Chi Quốc phòng - An ninh: Dự toán giao 179,16 tỷ đồng, ước chi 206,13 tỷ đồng, đạt 116,37% dự toán. Chi đạt cao là do tập trung cho công tác diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, công tác huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật, cùng một số chế độ, chính sách được Trung ương bổ sung có mục tiêu trong năm.

Nhìn chung, tình hình thu ngân sách trong cân đối năm 2019 đạt khá so với dự toán (ước tổng thu nội địa năm 2019 là 5.110 tỷ đồng, đạt 113,08% dự toán), từ đó, các khoản chi lương, các khoản có tính chất như lương, các chế độ, chính sách cho con người và các chế độ an sinh - xã hội được đảm bảo và đạt được nhiệm vụ chi theo kế hoạch đề ra. Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/01/2019 về việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 09/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2019 và theo dõi chỉ đạo, điều hành quá trình thực hiện. Bên cạnh đó là sự nỗ lực của các ngành, các cấp trong việc thực hiện nghiêm túc, đồng bộ,

⁽²⁾ Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

có hiệu quả các giải pháp tiết kiệm nên nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách năm 2019 được đảm bảo.

c) Chi chương trình mục tiêu, hỗ trợ có mục tiêu

Dự toán chi chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia là 1.776,65 tỷ đồng. Ước thực hiện 2.468,99 tỷ đồng, đạt 138,97% dự toán. Chi đạt cao là do một số hạng mục, công trình năm 2018 được phép chuyển sang năm 2019 tiếp tục thực hiện và được Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương để thực hiện một số nhiệm vụ trong năm.

(Chi tiết theo Biểu mẫu số 12, 13, 14 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ).

d) Sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh

Dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2019 được bố trí 86,07 tỷ đồng; thực hiện chi đến ngày 31/10/2019 là 39,573 tỷ đồng, đạt 45,98% dự toán. Việc sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh những tháng đầu năm chủ yếu phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chi cần thiết, cấp bách khác chưa được bố trí dự toán thực hiện.

(Chi tiết sử dụng dự phòng như Phụ lục 01 kèm theo).

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ, CÔNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ

1. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Luật Giá năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền và trình cấp thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa để triển khai thực hiện; qua đó đã giải quyết kịp thời những vấn đề tồn tại, vướng mắc thực tiễn trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý giá; giúp cho công tác quản lý nhà nước về tài sản công, quản lý nhà nước về giá ngày càng đi vào nề nếp, phát huy được hiệu quả, phục vụ tốt cho quá trình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Lĩnh vực quản lý giá

Thực hiện Chỉ thị số 06/CT-BTC ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thành lập Đoàn công tác thực hiện kiểm tra tình hình giá cả thị trường, công tác kê khai giá, niêm yết giá, an toàn vệ sinh thực phẩm trước Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019. Ngoài ra, tính đến ngày 31/10/2019, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể (do Sở Tài chính là cơ quan Thường trực) đã thẩm định để cơ quan chuyên môn trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá của 14 trường hợp.

3. Lĩnh vực quản lý công sản

Công tác quản lý công sản được thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, rà soát tại các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; chấn chỉnh, xử lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công là đất đai, trụ sở làm việc không chặt chẽ nhằm hạn chế, khắc phục tình trạng bị lấn, chiếm hoặc sử dụng không đúng mục đích.

- Về lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định thành lập Tổ công tác kiểm tra hiện trạng, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

Qua thống kê, toàn tỉnh có 850 cơ sở nhà, đất của 34 cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện rà soát, sắp xếp; kết quả thực hiện tính đến ngày 31/10/2019 cụ thể như sau:

+ Đã phê duyệt phương án xử lý 34 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích đất 119.872,8 m², diện tích nhà là 8.360,89 m² (tổng diện tích sàn là 13.120,83 m²), trong đó có 20 cơ sở nhà, đất dôi dư đề xuất bán đấu giá.

+ Đang xem xét, phê duyệt phương án xử lý 163 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích đất 329.579,5 m², diện tích nhà là 48.041 m² (tổng diện tích sàn là 60.534,2 m²); trong đó, phần lớn là các điểm trường đã thực hiện xóa điểm lẻ do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau quản lý.

+ Đối với 125 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích đất 148.487,4 m², diện tích nhà là 20.551,4 m² (tổng diện tích sàn là 21.236,4 m²), đây là các điểm trường do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau quản lý có nguồn gốc đất do các hộ dân hiến tặng hoặc cho mượn, đến nay các điểm trường đã thực hiện xóa điểm lẻ vì vậy hộ dân kiến nghị đòi lại phần đất đã hiến tặng, cho mượn. Các trường hợp này, Sở Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện rà soát từng trường hợp cụ thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý từng trường hợp cụ thể theo quy định.

+ Đối với 528 cơ sở nhà, đất còn lại đã hoàn thành công tác kiểm tra hiện trạng và đang trong quá trình tổng hợp và hoàn thiện hồ sơ.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết: Thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của 36 đơn vị (phê duyệt trong năm 2019 là 29 đơn vị) là các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao và du lịch cho thuê một phần diện tích nhỏ của cơ sở hoạt động sự nghiệp để làm nhà giữ xe, căn tin, ... thực hiện thông qua hình thức đấu giá. Nhìn chung, các đơn vị đều quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đúng theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu suất quản lý, sử dụng tài sản công, tăng nguồn thu bổ sung vào kinh phí hoạt động của các đơn vị; ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh khẩn trương hoàn thiện Đề án (đối với đơn vị đã được Sở Tài chính thẩm định), trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

4. Công tác quản lý vốn đầu tư

- Về quyết toán dự án hoàn thành: Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán

vốn đầu tư các dự án hoàn thành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung thực hiện; cơ bản đảm bảo thời gian theo quy định. Tính đến ngày 30/9/2019, tổng số hồ sơ tiếp nhận thực hiện thẩm tra quyết toán là 231 hồ sơ, giá trị đề nghị quyết toán là 1.891,027 tỷ đồng; đã thẩm tra quyết toán 224 hồ sơ, giá trị quyết toán 1.480,314 tỷ đồng; từ chối quyết toán 12,04 tỷ đồng đối với các nội dung chi phí không đúng quy định hoặc không đủ điều kiện thanh toán như chi phí quản lý dự án, chi phí kiểm toán, chi phí khảo sát,...

- Công tác xử lý tất toán các dự án, công trình được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện; bên cạnh đó, vẫn còn một số chủ đầu tư chưa thực hiện tốt, dẫn đến còn nhiều dự án, công trình đã có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhưng chưa xử lý tất toán theo quy định; cụ thể, tính đến ngày 30/9/2019, tổng số dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán nhưng chưa tất toán là 305 dự án, công trình với tổng số phải thu (ngân sách cấp bổ sung) 35,315 tỷ đồng, số phải trả (nộp lại ngân sách) 20,463 tỷ đồng.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH, QUẢN LÝ GIÁ, TÀI SẢN CÔNG VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2019

1. Về thu ngân sách

a) Thuận lợi

- Dự toán thu ngân sách năm 2019 được xây dựng phù hợp với quy mô và tiềm lực của từng ngành, lĩnh vực kinh tế của địa phương; công tác giao dự toán và hướng dẫn thực hiện dự toán được thực hiện kịp thời, đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

- Công tác thu ngân sách luôn được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động tăng cường, quyết liệt chỉ đạo ngành Thuế và các ngành có liên quan triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của tỉnh Cà Mau nói riêng có nhiều thuận lợi, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá (GRDP bình quân năm ước đạt 7%), nhiều chỉ tiêu kinh tế cơ bản của tỉnh đạt khá và tăng so với cùng kỳ, giá dầu thế giới, tổng mức bán lẻ, hàng hóa dịch vụ tăng; sản lượng sản xuất của các sản phẩm công nghiệp chủ yếu và chỉ số sản xuất công nghiệp tăng,... tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên tổ chức họp giao ban với các sở, ngành nhằm kịp thời đưa ra giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, doanh nghiệp; ngoài ra, các cơ chế, chính sách về thuế được sửa đổi, bổ sung kịp thời để hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; từ đó, hầu hết các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh không ngừng nỗ lực, phấn đấu vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, nên nhiều khoản thu của ngân sách được khai thác có hiệu quả.

- Các ngành, các cấp đã tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý chi ngân sách từ khâu lập đến phân bổ, điều hành dự toán; quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/01/2019 về việc thực hiện Nghị quyết số

01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 09/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2019. Đồng thời, bám sát dự toán chi, quản lý, điều hành kinh phí trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả. Các chế độ, chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống của người dân.

- Bên cạnh đó, quá trình triển khai thực hiện dự toán thu có nhiều điều kiện thuận lợi: Thu từ Cụm Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau tăng cao, giá dầu thế giới tăng (trên 70 USD/thùng), giá khí tăng (tương đương 4.780 đ/m³), sản lượng khí đạt khá so với kế hoạch. Đặc biệt, Tập đoàn Dầu khí xuất hoá đơn điều chỉnh tăng giá trị bán khí năm 2018 cho Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau, thuế GTGT tăng đột biến 51 tỷ đồng; Chi nhánh Công ty Điện lực Dầu khí xuất hoá đơn tiền điện của năm 2018 kê khai tăng đột biến 126 tỷ đồng; Dự án đường ống dẫn khí PM3 đã hết thời gian khấu hao, nên thuế TNDN phát sinh đạt khá; Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Cà Mau nộp thu nhập sau thuế năm 2018 trên 285 tỷ đồng; Nhà thầu Posco nộp thuế nhà thầu xây dựng trên 18 tỷ đồng; thuế bảo hành nhà máy điện trên 17 tỷ đồng; thu nhập trúng thưởng xổ số Vietlott tăng 20 tỷ đồng, Tập đoàn Thủy sản Minh Phú nộp thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn 31 tỷ đồng,...

b) Hạn chế, khó khăn, nguyên nhân

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, tình hình quản lý thu ngân sách năm 2019 vẫn còn một số khó khăn nhất định, tác động tiêu cực đến công tác quản lý, điều hành thu chi ngân sách, cụ thể như:

- Kim ngạch xuất khẩu đạt thấp và giảm so thực hiện cùng kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu gặp khó khăn như: Tập đoàn thủy sản Minh phú năm 2018 nộp thuế TNDN là 71,7 tỷ đồng, năm 2019 ước nộp 42 tỷ đồng... Đặc biệt, trong cơ cấu tăng trưởng của tỉnh chủ yếu là lĩnh vực ngư, nông, lâm nghiệp tăng cao nhưng không thuộc đối tượng điều tiết để tăng thu NSNN, đầu tư XDCB không phát sinh các công trình lớn,... Từ đó, đặt ra cho ngành Thuế khó khăn trong việc triển khai thực hiện dự toán ngân sách.

- Khu vực Công thương nghiệp - Dịch vụ ngoài quốc doanh thuế phát sinh đạt thấp so dự toán do một số chính sách thuế được sửa đổi, bổ sung theo hướng miễn, giảm để hỗ trợ cho người nộp thuế, cụ thể như: Không thu thuế GTGT đối với các mặt hàng nông lâm thủy sản chưa qua chế biến; các sản phẩm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- Theo báo cáo của Chi nhánh Công ty khí Cà Mau, từ quý IV/2019 sản lượng khí ước giảm khoảng 40% do nguồn khí khai thác tại các mỏ sụt giảm (mỏ khí PM3/AA khai thác chung giữa Việt Nam và Malaysia), Tập đoàn đang đàm phán mua khí từ Petronas (Malaysia), dẫn đến phát sinh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ rất lớn, ước giảm năm 2020 trên 324 tỷ đồng/năm. Trường hợp không mua được khí của Petronas thì khả năng sản lượng khí giảm trên 40% tương đương 800 triệu m³/năm.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của một số ngành nghề hiện nay đang khó khăn, một số hoạt động cầm chừng hoặc tạm ngừng kinh doanh do thiếu vốn, thiếu

việc làm, cụ thể như: Các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành xây dựng, tư vấn giám sát, thiết kế; kinh doanh bất động sản, các nhà máy chế biến xuất khẩu, kê khai thuế phát sinh rất thấp, thậm chí không phát sinh thuế.

- Thị trường bán lẻ đối với các doanh nghiệp trong tỉnh bị thu hẹp do các Tập đoàn, Tổng Công ty ngoài tỉnh phủ kín, như: Sài Gòn Coopmart, Nguyễn Kim, hệ thống kinh doanh điện máy xanh, thế giới di động, điện máy chợ lớn, các chi nhánh doanh nghiệp viễn thông Viettel, FPT, thời trang, mỹ phẩm, thuốc tân dược,... giá bán theo chuỗi kinh doanh, nên thuế GTGT phát sinh thấp, trong khi đó thuế TNDN khai nộp tại sở chính, chủ yếu thuộc các thành phố lớn.

- Nguồn thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu được Trung ương giao dự toán năm 2019 là 50 tỷ đồng; tuy nhiên, các đơn vị trên địa bàn chủ yếu là nuôi trồng thủy sản nên hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa các doanh nghiệp chủ yếu là các mặt hàng thủy sản, nhiên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, gia công và nhập máy móc thiết bị tạo tài sản cố định nên không ổn định. Do đó, ước thực hiện thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu của tỉnh là 20 tỷ đồng, bằng 40% dự toán Trung ương giao, từ đó, ảnh hưởng đến tổng nguồn thu ngân sách địa phương.

2. Về chi ngân sách

a) Thuận lợi

- Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 được Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tích cực ngay từ đầu năm; theo đó, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư và quy định tiến độ giải ngân theo từng quý. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị thực hiện thông qua các phiên họp hàng tháng, hàng quý và đánh giá chuyên đề về đầu tư công, cũng như tại các cuộc họp nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư công.

- Trong điều hành chi ngân sách, các ngành, các cấp luôn bám sát dự toán được cấp thẩm quyền giao và thực hiện tốt các nhóm giải pháp quản lý, điều hành ngân sách. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 theo hướng điều chỉnh giảm kế hoạch vốn từ dự án có tỷ lệ giải ngân thấp hoặc không có khả năng giải ngân trong năm 2019 để điều chỉnh tăng cho dự án có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

- Các cơ quan, đơn vị thường xuyên phối hợp chặt chẽ với cơ quan Tài chính trong việc đánh giá tiến độ thực hiện nhiệm vụ gắn với dự toán kinh phí được giao; qua đó, kịp thời điều chỉnh, thu hồi, cắt giảm dự toán đối với các khoản kinh phí dôi dư sau khi thực hiện nhiệm vụ hoặc dự kiến không thực hiện chi hết trong năm ngân sách để bố trí cho các nhiệm vụ chi cấp bách, bức thiết khác.

b) Hạn chế, khó khăn, nguyên nhân

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường theo dõi tiến độ thực hiện và đôn đốc các chủ đầu tư tập trung thực hiện các dự án, công trình sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư; tuy nhiên, tiến độ giải ngân các dự án, công trình thấp. Nguyên nhân là do các dự án, công trình khởi công mới phải triển khai các bước

thủ tục chuẩn bị thực hiện đầu tư theo quy định (trung bình kéo dài khoảng 06 tháng) nên cuối quý II/2019 hoặc đầu quý III/2019 mới khởi công công trình và có khối lượng hoàn thành và giải ngân kế hoạch vốn đã bố trí. Bên cạnh đó, việc triển khai các gói thầu xây lắp đối với các dự án sử dụng vốn ODA mất nhiều thời gian do phải thông qua nhà tài trợ vốn ODA (như kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu,...);

- Một số dự án trong quá trình thực hiện để phù hợp với tình hình thực tế và để đảm bảo hiệu quả đầu tư phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, làm ảnh hưởng đến quá trình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư.

Mặc dù vẫn tồn tại những khó khăn, thách thức, song công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2019 của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng và an ninh địa phương.

3. Về quản lý giá, công sản và đầu tư

a) Thuận lợi

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể hóa được ban hành kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi để địa phương có cơ sở áp dụng; công tác quản lý, sử dụng tài sản công được các cơ quan, tổ chức, đơn vị quan tâm thực hiện, từng bước đi vào nề nếp; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài sản được đẩy mạnh; hàng năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đều công khai và báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản để cập nhật vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước 4.0, giúp cho việc quản lý tài sản được chặt chẽ hơn.

- Công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư được thực hiện đúng theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn về quản lý dự án đầu tư xây dựng; từ đó, công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

b) Khó khăn

- Một số cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản chưa được chặt chẽ, không hiệu quả, dẫn đến bị lấn chiếm, tranh chấp.

- Một số chủ đầu tư chưa quan tâm đến công tác quyết toán, tất toán dự án hoàn thành; vẫn còn nhiều dự án, công trình chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và chưa xử lý tất toán theo quy định.

Phần II PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2020

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ NSNN năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao và đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự toán thu, chi ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020 trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị với những nội dung chủ yếu như sau:

I. NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2020

1. Xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2020

a) Thu ngân sách nhà nước

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2020 là 5.695 tỷ đồng, tăng 24,64% so với dự toán năm 2019 (4.569 tỷ đồng) và tăng 11,01% so với ước thực hiện năm 2019 (5.130 tỷ đồng). Trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 22 tỷ đồng, thu nội địa 5.673 tỷ đồng.

b) Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020 là 11.419,30 tỷ đồng, tăng 17,77% so với dự toán năm 2019 (9.696,25 tỷ đồng). Trong đó, chi cân đối ngân sách địa phương là 9.242,19 tỷ đồng (bao gồm chi trả nợ gốc từ nguồn giảm chi đầu tư 29,94 tỷ đồng); chi các chương trình mục tiêu 2.177,11 tỷ đồng.

2. Cân đối thu, chi ngân sách địa phương năm 2020

a) Tổng thu ngân sách địa phương 11.419,30 tỷ đồng, bao gồm:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 5.327,96 tỷ đồng;
- Bổ sung từ ngân sách Trung ương: 5.950,30 tỷ đồng.
- + Bổ sung cân đối ổn định: 3.196,43 tỷ đồng;
- + Thu bổ sung cân đối tăng thêm của năm 2020: 129,00 tỷ đồng.
- + Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương: 302,47 tỷ đồng;
- + Bổ sung có mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia: 2.322,40 tỷ đồng;

b) Tổng chi ngân sách địa phương 11.419,30 tỷ đồng, trong đó:

- Chi trong cân đối ngân sách: 9.242,19 tỷ đồng;
- + Chi đầu tư phát triển (bao gồm trả nợ gốc 29,94 tỷ đồng): 2.680,10 tỷ đồng;
- + Chi thường xuyên: 6.388,44 tỷ đồng;
- + Chi trả nợ lãi vay: 0,90 tỷ đồng;
- + Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,00 tỷ đồng;
- + Chi dự phòng: 171,75 tỷ đồng;
- Chi các chương trình mục tiêu: 2.177,11 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Biểu mẫu số 15, 16, 17, 18 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ).

3. Phân bổ một số nhiệm vụ chi chủ yếu

a) Chi đầu tư phát triển 2.680,10 tỷ đồng, chiếm 29,00% tổng chi cân đối ngân sách, tăng 49,45% so với dự toán năm 2019.

b) Chi thường xuyên 6.388,44 tỷ đồng, chiếm 69,12% tổng chi cân đối ngân sách, tăng 7,06% so dự toán năm 2019, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 2.314,73 tỷ đồng, chiếm 36,23% tổng chi thường xuyên, tăng 3,60% so dự toán năm 2019;

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ 28,43 tỷ đồng, chiếm 0,45% tổng chi thường xuyên, tăng 8,00% so dự toán năm 2019;

c) Dự phòng ngân sách 171,75 tỷ đồng, chiếm 2% tổng chi cân đối ngân sách, tăng 10,60% so dự toán năm 2019.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2020

Năm 2020 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XV nhiệm kỳ 2015 - 2020; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội năm 2020 cả nước nói chung, tỉnh Cà Mau nói riêng sẽ tiếp tục đà phục hồi ổn định với mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2019 và có nhiều điều kiện, cơ hội thuận lợi để phát triển, song cũng không ít những khó khăn, thách thức. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ ngân sách 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung một số giải pháp trọng tâm như sau:

1. Triển khai đồng bộ các giải pháp, chỉ đạo về quản lý, điều hành ngân sách nhà nước của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngành Tài chính cần chủ động rà soát các nguồn thu, triển khai giao nhiệm vụ phân đấu thu cho các đơn vị trong toàn ngành, theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu. Qua đó, xác định các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, sắc thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả; hạn chế thất thu ngân sách, đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 đi đôi với quản lý đầu tư công hiệu quả và tiết kiệm chi ngân sách.

2. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định hiện hành đảm bảo nhanh chóng, chính xác, khách quan, công khai, dân chủ.

3. Phân bổ ngân sách cho các ngành, các cấp và đơn vị thụ hưởng ngân sách đúng luật định. Ngành Tài chính thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình và phân tích, dự báo những tác động ảnh hưởng đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn, để kịp thời đề ra những giải pháp quản lý có hiệu quả. Tập trung chỉ đạo, điều hành thu, chi ngân sách theo dự toán được giao theo đúng quy định tại Luật

Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Phân đầu tăng thu và duy trì các nguồn thu chiếm tỷ lệ cao trong tổng thu ngân sách. Bên cạnh đó, hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh ngoài dự toán, chi vượt khả năng cân đối của từng cấp ngân sách. Trường hợp thu ngân sách không đạt dự toán thì phải chủ động sắp xếp, cắt giảm, điều chỉnh nhiệm vụ chi tương ứng để đảm bảo không mất cân đối ngân sách.

4. Ngành Thuế đẩy mạnh các biện pháp quản lý, khai thác tốt các nguồn thu; trong đó chú trọng đến một số nguồn thu chủ lực của tỉnh, phân đầu thu đầy đủ và kịp thời vào ngân sách nhà nước. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền - hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; chủ động tham mưu, kiến nghị cơ chế chính sách thuế phù hợp với thực tiễn để cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế tiếp tục duy trì, ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư, tạo nguồn thu bền vững cho NSNN, đồng thời góp phần khuyến khích hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp.

5. Các sở, ngành, chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; tập trung chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, công trình xây dựng cơ bản của cấp mình quản lý, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp, nhất là ngành Tài chính phải quyết tâm phân đầu khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế; quản lý chặt chẽ chi ngân sách, nhằm thực hiện hoàn thành dự toán thu, chi ngân sách năm 2020.

Trên đây là tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ ngân sách năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị (kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020)./.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Phòng KT (Đ₁₁.18);
- Lưu: VT, M.A15/12.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 12 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số/QĐ-BTC ngày tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ ngân sách năm 2020; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày ... tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, Kỳ họp thứ 11 đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020, gồm:

- | | |
|--|------------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: | 5.695.000 triệu đồng. |
| a) Thu nội địa: | 5.673.000 triệu đồng; |
| b) Thu thuế xuất, nhập khẩu: | 22.000 triệu đồng. |
| 2. Tổng nguồn thu ngân sách địa phương: | 11.419.299 triệu đồng. |
| a) Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: | 5.327.960 triệu đồng; |
| - Các khoản thu hưởng 100%: | 2.426.650 triệu đồng; |

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm:	2.901.310 triệu đồng.
b) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:	5.950.299 triệu đồng.
- Bổ sung cân đối (thời kỳ ổn định):	3.196.428 triệu đồng;
- Bổ sung cân đối tăng thêm năm 2020:	129.000 triệu đồng;
- Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,49 triệu đồng:	302.470 triệu đồng;
- Bổ sung có mục tiêu:	2.322.401 triệu đồng;
c) Thu từ nguồn vay:	21.000 triệu đồng.
d) Thu từ nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang:	120.040 triệu đồng.
3. Tổng chi ngân sách địa phương:	11.419.299 triệu đồng.
a) Tổng chi trong cân đối ngân sách địa phương:	9.242.188 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển:	2.680.097 triệu đồng;
<i>Trong đó: Trả nợ gốc theo Điều 7, Luật Ngân sách nhà nước: 29.939 triệu đồng.</i>	
+ Chi thường xuyên:	6.388.442 triệu đồng;
+ Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay:	900 triệu đồng;
+ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	1.000 triệu đồng;
+ Dự phòng ngân sách:	171.749 triệu đồng.
b) Chi các chương trình mục tiêu:	2.177.111 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu mẫu số 15, 16, 17, 18 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ).

Điều 2. Một số giải pháp thực hiện dự toán ngân sách năm 2020

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tổ chức đẩy mạnh phát triển kinh tế để tạo cơ sở tăng thu ngân sách. Tăng cường công tác khai thác các nguồn thu, sắc thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật; trong đó, tập trung khai thác nguồn thu tiền sử dụng đất, thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh. Thực hiện các biện pháp đồng bộ và chỉ đạo kiên quyết chống thất thu thuế, nợ thuế, thu hồi các khoản nợ đọng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thu ngân sách nhà nước.

2. Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện nghiêm chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Trong đầu tư xây dựng cơ bản cần tuân thủ đúng các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành; chỉ bố trí vốn cho các dự án, công trình đủ điều kiện ghi kế hoạch vốn theo quy định; chủ động bố trí nguồn thanh toán nợ vay của ngân sách địa phương phải

trả khi đến hạn; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, công trình trọng điểm, bức xúc và những công trình chuyên tiếp để sớm đưa vào sử dụng; đẩy nhanh tiến độ giải ngân và không để phát sinh nợ đọng trong đầu tư. Thúc đẩy và khuyến khích xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và một số lĩnh vực khác.

3. Các sở, ngành, chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; tập trung chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, công trình xây dựng cơ bản của cấp mình quản lý, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

4. Trong quá trình điều hành dự toán ngân sách năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phấn đấu thu vượt dự toán được giao để có điều kiện tăng chi ngân sách. Các địa phương xây dựng, điều hành dự toán ngân sách gắn chặt với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách năm 2020. Trong quá trình điều hành nếu có phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo luật định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp, nhất là ngành Tài chính phải quyết tâm phấn đấu khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế; quản lý chặt chẽ chi ngân sách, nhằm thực hiện hoàn thành dự toán thu, chi ngân sách năm 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, TP Cà Mau;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Hiến

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	9.696.251	12.502.721	11.419.299	-1.083.422	91,33
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	4.143.352	4.796.010	5.327.960	531.950	111,09
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.522.095	1.765.090	2.426.650	661.560	137,48
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.621.257	3.030.920	2.901.310	-129.610	95,72
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.436.893	5.571.308	5.950.299	850.865	106,80
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.196.428	3.196.428	3.196.428	0	100,00
2	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương đầu năm	254.529	254.529	302.470	47.941	118,84
3	Thu bổ sung có mục tiêu	1.921.936	2.056.351	2.322.401	266.050	112,94
	<i>Trong đó: Bao gồm bổ sung bù giảm thu để đảm bảo mặt bằng chi thường xuyên</i>	<i>145.290</i>	<i>145.290</i>	<i>145.290</i>	<i>0</i>	<i>100,00</i>
4	Thu bổ sung cân đối tăng thêm	64.000	64.000	129.000	65.000	201,56
III	Thu từ nguồn vay	21.000	0	21.000		
IV	Thu kết dư	0	122.724			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	95.006	2.012.679	120.040		
B	TỔNG CHI NSDP	9.696.251	12.502.721	11.419.299	1.723.048	117,77
I	Tổng chi cân đối NSDP	7.919.605	8.674.185	9.242.188	1.322.583	116,70
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.793.270	1.952.257	2.680.097	886.827	149,45
2	Chi thường xuyên	5.966.959	6.717.838	6.388.442	421.483	107,06
3	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.090	3.090	900	-2.190	29,13
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	155.286		171.749	16.463	110,60
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.776.646	2.468.987	2.177.111	400.465	122,54
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	186.410	186.410	275.929	89.519	148,02
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.590.236	2.282.577	1.901.182	310.946	119,55
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	1.359.549			

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
C	BỘI CHI NSDP	0		0		
D	BỘI THU NSDP	56.189		29.939		
Đ	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	56.189	56.189	21.000	-35.189	37,37
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	21.000	0	21.000	21.000	
II	Từ nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh	35.189	56.189		-56.189	0,00
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	21.000	0	29.939		

Ghi chú: (1) Bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn năm 2020 là 29.939 triệu đồng.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	5.130.000	4.796.010	5.695.000	5.327.960	111,01	111,09
I	Thu nội địa	5.110.000	4.796.010	5.673.000	5.327.960	111,02	111,09
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.859.000	1.859.000	1.657.000	1.657.000	89,13	89,13
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	85.000	85.000	90.000	90.000	105,88	105,88
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	45.000	45.000	30.000	30.000	66,67	66,67
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	529.500	529.500	600.000	600.000	113,31	113,31
5	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	380.000	380.000	380.000	100,00	100,00
6	Thuế bảo vệ môi trường	400.000	148.800	430.000	159.960	107,50	107,50
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước (bằng 37,2% tổng thu)	148.800	148.800	159.960	159.960	107,50	107,50
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu (bằng 68,2% tổng thu)	251.200	0	270.040	0	107,50	
7	Lệ phí trước bạ	167.000	167.000	180.000	180.000	107,78	107,78
8	Thu phí, lệ phí	80.000	61.170	85.000	65.450	106,25	107,00
-	Phí và lệ phí trung ương	18.830	0	19.550	0	103,82	
-	Phí và lệ phí địa phương	61.170	61.170	65.450	65.450	107,00	107,00
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.800	1.800	0	0		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.600	4.600	4.000	4.000	86,96	86,96
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	32.620	32.620	50.000	50.000	153,28	153,28
12	Thu tiền sử dụng đất	340.000	340.000	843.000	843.000	247,94	247,94
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	700	700	0	0		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.030.000	1.030.000	1.150.000	1.150.000	111,65	111,65
15	Thu khác ngân sách	130.000	86.040	150.000	94.550	115,38	109,89
16	Thu cố định tại xã	6.430	6.430	2.000	2.000	31,10	31,10
17	Lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	16.000	16.000	20.000	20.000	125,00	125,00

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.350	2.350	2.000	2.000	85,11	85,11
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	20.000	0	22.000	0	110,00	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	16.516		21.000		127,15	
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu	3.000		1.000		33,33	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	97					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	387					
III	Thu viện trợ						



DANH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	9.696.251	12.502.721	2.806.470	128,94
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	4.143.352	4.796.010	652.658	115,75
1	Thu NSDP hưởng 100%	1.522.095	1.765.090	242.995	115,96
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.621.257	3.030.920	409.663	115,63
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.436.893	5.571.308	134.415	102
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.196.428	3.196.428	0	100,00
2	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương 1,3 triệu đồng	254.529	254.529	0	100,00
3	Thu bổ sung có mục tiêu	1.921.936	2.056.351	134.415	106,99
	<i>Trong đó: Bao gồm bổ sung bù giảm thu để đảm bảo mặt bằng chi thường xuyên</i>	<i>145.290</i>	<i>145.290</i>	<i>0</i>	<i>100,00</i>
4	Thu bổ sung cân đối tăng thêm năm 2019	64.000	64.000	0	100,00
III	Thu từ nguồn vay	21.000	0		
IV	Thu kết dư		122.724		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	95.006	2.012.679		
B	TỔNG CHI NSDP	9.696.251	12.502.721	2.806.470	128,94
I	Tổng chi cân đối NSDP	7.919.605	8.674.185	754.580	109,53
1	Chi đầu tư phát triển	1.793.270	1.952.257	158.987	108,87
2	Chi thường xuyên	5.966.959	6.717.838	750.879	112,58
3	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.090	3.090	0	100,00
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	155.286		-155.286	0,00
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.776.646	2.468.987	692.341	138,97
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	186.410	186.410	0	100,00
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.590.236	2.282.577	692.341	143,54
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		1.359.549		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
C	BỘI CHI NSDP				
D	BỘI THU NSDP	56.189	56.189	21.000	
Đ	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	56.189	56.189	21.000	
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	21.000			
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	35.189	56.189	21.000	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	21.000	0	0	
1	Vay để bù đắp bội chi				
2	Vay để trả nợ gốc	21.000			



ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019		Ước thực hiện năm 2019		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	4.569.000	4.143.932	5.130.000	4.796.010	112,28	115,7
I	Thu nội địa	4.519.000	4.143.932	5.110.000	4.796.010	113,08	115,74
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.417.000	1.417.000	1.859.000	1.859.000	131,19	131,19
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	85.000	85.000	85.000	85.000	100,00	100,00
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	8.000	8.000	45.000	45.000	562,50	562,50
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	610.000	610.000	529.500	529.500	86,80	86,80
5	Thuế thu nhập cá nhân	340.000	340.000	380.000	380.000	111,76	111,76
6	Thuế bảo vệ môi trường	481.000	178.932	400.000	148.800	83,16	83,16
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	178.932	178.932	148.800	148.800	83,16	83,16
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	302.068		251.200		83,16	
7	Lệ phí trước bạ	138.000	138.000	167.000	167.000	121,01	121,01
8	Thu phí, lệ phí	80.000	62.000	80.000	61.170	100,00	98,66
-	Phí và lệ phí Trung ương	18.000		18.830		104,61	
-	Phí và lệ phí địa phương thu	62.000	62.000	61.170	61.170	98,66	98,66
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	1.800	1.800		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	3.000	4.600	4.600	153,33	153,33
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	30.000	30.000	32.620	32.620	108,73	108,73
12	Thu tiền sử dụng đất	260.000	260.000	340.000	340.000	130,77	130,77
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0		700	700		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	900.000	900.000	1.030.000	1.030.000	114,44	114,44
15	Thu khác ngân sách	155.000	100.000	130.000	86.040	83,87	86,04
16	Thu hồi vốn, thu cổ tức	9.000	9.000	16.000	16.000	177,78	177,78
17	Thu cố định tại xã	2.000	2.000	6.430	6.430	321,50	321,50
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.000	1.000	2.350	2.350	235,00	235,00

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019		Ước thực hiện năm 2019		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3/1</i>	<i>6=4/2</i>
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	50.000	0	20.000	0	40,00	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	49.000		16.516			
2	Thuế nhập khẩu	1.000		3.000			
3	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0		387			
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0		97			
IV	Thu viện trợ						



**DANH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	9.696.251	12.502.721	2.806.471	128,94
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	7.919.605	8.674.185	754.580	109,53
I	Chi đầu tư phát triển	1.793.270	1.952.257	158.987	108,87
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.680.950	1.839.937	158.987	109,46
1.1	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung và nguồn thu từ quỹ phát triển đất	759.950	847.381	87.431	111,50
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	900.000	992.557	92.557	110,28
1.3	Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương	21.000	0	-21.000	0,00
2	Chi bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển	12.320	12.320	0	100,00
3	Chi bổ sung quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	100.000	100.000	0	100,00
II	Chi thường xuyên	5.966.959	6.717.838	750.879	112,58
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.234.365	2.259.433	25.067	101,12
2	Chi khoa học và công nghệ	26.324	26.324	0	100,00
3	Quốc phòng	149.632	171.769	22.137	114,79
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội	29.525	34.358	4.834	116,37
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	614.597	636.532	21.935	103,57
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	64.676	64.676	0	100,00
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	22.987	22.987	0	100,00
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	24.586	24.586	0	100,00
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	98.667	98.667	0	100,00
10	Các hoạt động kinh tế	1.145.805	1.326.863	181.058	115,80
11	Chi quản lý hành chính	1.222.358	1.593.704	371.346	130,38
12	Chi đảm bảo xã hội	274.357	324.569	50.212	118,30
13	Chi khác ngân sách	59.081	133.370	74.289	225,74

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2-1$	$4=2/1$
III	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.090	3.090	0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100
V	Dự phòng ngân sách	155.286			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.776.646	2.468.987	692.341	138,97
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	186.410	186.410	0	100,00
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.590.236	2.282.577	692.341	143,54
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		1.359.549		



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	9.696.251	12.502.721	11.419.299	-1.083.422	91,33
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	4.143.352	4.796.010	5.327.960	531.950	111,09
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.522.095	1.765.090	2.426.650	661.560	137,48
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.621.257	3.030.920	2.901.310	-129.610	95,72
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.436.893	5.571.308	5.950.299	850.865	106,80
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.196.428	3.196.428	3.196.428	0	100,00
2	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương đầu năm	254.529	254.529	302.470	47.941	118,84
3	Thu bổ sung có mục tiêu	1.921.936	2.056.351	2.322.401	266.050	112,94
	<i>Trong đó: Bao gồm bổ sung bù giảm thu để đảm bảo mặt bằng chi thường xuyên</i>	<i>145.290</i>	<i>145.290</i>	<i>145.290</i>	<i>0</i>	<i>100,00</i>
4	Thu bổ sung cân đối tăng thêm	64.000	64.000	129.000	65.000	201,56
III	Thu từ nguồn vay	21.000	0	21.000		
IV	Thu kết dư	0	122.724			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	95.006	2.012.679	120.040		
B	TỔNG CHI NSDP	9.696.251	12.502.721	11.419.299	1.723.048	117,77
I	Tổng chi cân đối NSDP	7.919.605	8.674.185	9.242.188	1.322.583	116,70
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.793.270	1.952.257	2.680.097	886.827	149,45
2	Chi thường xuyên	5.966.959	6.717.838	6.388.442	421.483	107,06
3	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.090	3.090	900	-2.190	29,13
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	155.286		171.749	16.463	110,60
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.776.646	2.468.987	2.177.111	400.465	122,54
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	186.410	186.410	275.929	89.519	148,02
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.590.236	2.282.577	1.901.182	310.946	119,55
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	1.359.549			

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
C	BỘI CHI NSDP	0		0		
D	BỘI THU NSDP	56.189		29.939		
Đ	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	56.189	56.189	21.000	-35.189	37,37
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	21.000	0	21.000	21.000	
II	Từ nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh	35.189	56.189		-56.189	0,00
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	21.000	0	29.939		

Ghi chú: (1) Bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn năm 2020 là 29.939 triệu đồng.



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	5.130.000	4.796.010	5.695.000	5.327.960	111,01	111,09
I	Thu nội địa	5.110.000	4.796.010	5.673.000	5.327.960	111,02	111,09
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.859.000	1.859.000	1.657.000	1.657.000	89,13	89,13
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	85.000	85.000	90.000	90.000	105,88	105,88
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	45.000	45.000	30.000	30.000	66,67	66,67
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	529.500	529.500	600.000	600.000	113,31	113,31
5	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	380.000	380.000	380.000	100,00	100,00
6	Thuế bảo vệ môi trường	400.000	148.800	430.000	159.960	107,50	107,50
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước (bằng 37,2% tổng thu)	148.800	148.800	159.960	159.960	107,50	107,50
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu (bằng 68,2% tổng thu)	251.200	0	270.040	0	107,50	
7	Lệ phí trước bạ	167.000	167.000	180.000	180.000	107,78	107,78
8	Thu phí, lệ phí	80.000	61.170	85.000	65.450	106,25	107,00
-	Phí và lệ phí Trung ương	18.830	0	19.550	0	103,82	
-	Phí và lệ phí địa phương	61.170	61.170	65.450	65.450	107,00	107,00
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.800	1.800	0	0		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.600	4.600	4.000	4.000	86,96	86,96
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	32.620	32.620	50.000	50.000	153,28	153,28
12	Thu tiền sử dụng đất	340.000	340.000	843.000	843.000	247,94	247,94
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	700	700	0	0		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.030.000	1.030.000	1.150.000	1.150.000	111,65	111,65
15	Thu khác ngân sách	130.000	86.040	150.000	94.550	115,38	109,89
16	Thu cố định tại xã	6.430	6.430	2.000	2.000	31,10	31,10
17	Lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	16.000	16.000	20.000	20.000	125,00	125,00

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3/1</i>	<i>6=4/2</i>
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.350	2.350	2.000	2.000	85,11	85,11
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	20.000	0	22.000	0	110,00	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	16.516		21.000		127,15	
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu	3.000		1.000		33,33	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	97					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	387					
III	Thu viện trợ						



ĐƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2020 THEO CƠ CẤU CHI

(Kèm theo Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.696.251	11.419.299	1.723.048	117,77
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	7.919.605	9.242.188	1.322.583	116,70
I	Chi đầu tư phát triển	1.793.270	2.680.097	886.827	149,45
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.680.950	2.488.127	807.177	148,02
1.1	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDDB tập trung (1)	638.270	702.097	63.827	110,00
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	121.680	132.030	10.350	108,51
1.3	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thu mặt đất, mặt nước Nhà đầu tư ứng trước		483.000	483.000	
1.4	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	900.000	1.150.000	250.000	127,78
1.5	Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương	21.000	21.000	0	100,00
2	Chi bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	12.320	23.893	11.573	193,94
3	Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	100.000	168.077	68.077	168,08
II	Chi thường xuyên	5.966.959	6.388.442	421.483	107,06
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.234.365	2.314.728	80.363	103,60
	- Sự nghiệp giáo dục	2.069.960	2.141.024	71.064	103,43
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	164.405	173.705	9.300	105,66
2	Chi khoa học và công nghệ	26.324	28.430	2.106	108,00
3	Quốc phòng	149.632	151.241	1.609	101,08
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội	29.525	36.330	6.805	123,05
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	614.597	620.520	5.923	100,96
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	64.676	67.226	2.550	103,94
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	22.987	22.024	-963	95,81
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	24.586	30.672	6.086	124,76
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	98.667	97.715	-952	99,04
10	Các hoạt động kinh tế	1.145.805	1.332.838	187.033	116,32

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Trong đối (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2-1$	$4=2/1$
11	Chi quản lý hành chính	1.222.358	1.302.740	80.382	106,58
12	Chi đảm bảo xã hội	274.357	320.725	46.368	116,90
13	Chi khác ngân sách	59.081	63.252	4.171	107,06
III	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.090	900	-2.190	29,13
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100,00
V	Dự phòng ngân sách	155.286	171.749	16.463	110,60
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.776.646	2.177.111	400.465	122,54
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	186.410	275.929	89.519	148,02
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	47.092	51.919	4.827	110,25
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	82.800	224.010	141.210	270,54
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.590.236	1.901.182	310.946	119,55
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC VAY ĐỊA PHƯƠNG	56.189	29.939	-26.250	53,28

Ghi chú: (1) Bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn năm 2020 là 29.939 triệu đồng.



BỘ CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NSDP	4.796.010	5.327.960	531.950
B	CHI CÂN ĐỐI NSDP	8.674.185	9.242.188	568.003
C	BỘI THU NSDP			0
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	959.202	1.065.592	106.390
Đ	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	111.894	55.705	-56.189
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)			0
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			0
3	Vay trong nước khác	111.894	55.705	-56.189
II	Trả nợ gốc vay trong năm	56.189	29.939	-42.500
1	Theo nguồn vốn vay	56.189	29.939	-26.250
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
-	Vốn khác	56.189	29.939	-26.250
2	Theo nguồn trả nợ	56.189	39.939	-16.250
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			0
-	Bội thu NSDP	56.189	39.939	
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
III	Tổng mức vay trong năm	0	21.000	
1	Theo mục đích vay	0	21.000	
-	Vay để bù đắp bội chi		21.000	
-	Vay để trả nợ gốc		0	
2	Theo nguồn vay	0	21.000	

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		21.000	
-	Vốn trong nước khác			
IV	Tổng dư nợ cuối năm	55.705	46.766	-29.939
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>			0
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		21.000	
3	Vốn khác	55.705	25.766	-29.939
E	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	3.090	900	-2.190



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH ĐẾN NGÀY 31/10/2019

(Kèm theo Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị
A	B	1	2
Tổng cộng		39.573	
1	Kinh phí phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2018 - 2019 cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	250	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
2	Hỗ trợ kinh phí xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Thới Bình	750	Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
2	Hỗ trợ kinh phí cho Tiểu khu Quân sự tỉnh KohKong, Vương quốc Campuchia	1.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
3	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa Nhà điều hành Trường Quân sự tỉnh Cà Mau	975	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
4	Kinh phí làm mới đường cầu tàu đầu nối vào đường nội bộ trước nhà Bộ Chỉ huy Hải đội Biên phòng 2	495	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
5	Cấp kinh phí phối hợp thực hiện Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ cho Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ Đội biên phòng	430	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
6	Cấp kinh phí tuần tra trên biển cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	521	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
7	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tỉnh	100	Cục Thi hành án Dân sự tỉnh
8	Bổ sung kinh phí phát sinh phục vụ đoàn công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh khảo sát, kiểm tra thực tế trên vùng biển tỉnh Cà Mau	98	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
9	Hỗ trợ kinh phí đầu tư tời kéo để vận chuyển vật tư, hàng hóa cho Bộ Chỉ huy Bộ Đội biên phòng	700	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
10	Cấp kinh phí hỗ trợ Cục Phát triển - Bộ Quốc phòng Vương quốc Campuchia	500	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
11	Hỗ trợ kinh phí Hội thao năm 2019 cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	500	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị
A	B	I	2
12	Bổ sung kinh phí hoạt động cho Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	1.533	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp
13	Bổ sung kinh phí thực hiện công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi	1.980	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Cấp kinh phí mua sắm thiết bị phục vụ giám sát hành trình tàu cá	18	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
15	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa xe ô tô phục vụ công tác của Bộ Chỉ huy Bộ Đội biên phòng	650	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
16	Bổ sung kinh phí hỗ trợ thiệt hại do bão số 01 (Pabuk) năm 2019 cho ngân sách huyện Trần Văn Thời	1.109	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
17	Bổ sung kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh năm 2019 cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	11.735	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
18	Hỗ trợ kinh phí đối ứng mua sắm 03 ca nô chữa cháy trang bị cho lực lượng cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ	780	Công an tỉnh
19	Kinh phí chi trả phụ cấp đặc thù đối với các hợp đồng của Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật	508	Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật
20	Bổ sung kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh năm 2019 cho thành phố Cà Mau và huyện Trần Văn Thời	1.814	Thành phố Cà Mau và huyện Trần Văn Thời
21	Bổ sung kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh năm 2019 cho Công an tỉnh	3.797	Công an tỉnh
22	Bổ sung kinh phí chi trả cho lực lượng thú y cơ sở thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 57/KH-SNN ngày 01/7/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	335	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
23	Hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại ngoài nước của Sở Công Thương	1.428	Sở Công thương
24	Hỗ trợ kinh phí tổ chức Tết Trung thu năm 2019 cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	380	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
25	Hỗ trợ kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Cà Mau năm 2019 cho Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng	1.137	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
26	Hỗ trợ kinh phí tổ chức sơ kết trong xây dựng nền Quốc phòng toàn dân giai đoạn 2009 - 2019	10	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
27	Bổ sung kinh phí thường xuyên cho Cơ sở Cai nghiện ma túy	268	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
28	Bổ sung kinh phí hộ dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai	30	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
29	Bổ sung kinh phí thực hiện công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.121	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
30	Cấp hỗ trợ kinh phí làm mới, di dời, sửa chữa biển báo cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	176	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị
A	B	1	2
31	Cấp hỗ trợ kinh phí trao học bổng tại Lễ Tuyên dương học sinh, sinh viên, thanh niên dân tộc thiểu số xuất sắc, tiêu biểu năm 2019	25	Báo Dân tộc và Phát triển
32	Bổ sung kinh phí diện tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh cho Sở Y tế	35	Sở Y tế
33	Cấp kinh phí khắc phục, bồi thường tài sản sau khi kết thúc diễn tập thực binh A2 cho Công an tỉnh Cà Mau năm 2019	256	Công an tỉnh
24	Cấp kinh phí chênh lệch tăng thêm tiền lương, phụ cấp, tiền ăn và kinh phí huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật năm 2019	1.129	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh